

Bản án số: 223/2024/DS-PT

Ngày: 05/4/2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ pháp lý*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Chu Tuấn Anh

***Các thẩm phán:*** Ông Đinh Như Lâm

Ông Phí Thành Chung

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Hưng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*** Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 597/2023/TLPT-DS ngày 05/12/2023 về "*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ pháp lý*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2024/QĐ-PT ngày 14/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 187/2024/QĐ-PT ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

**1. Đồng nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H**, sinh 01/01/1964 và **bà Cao Thị L**, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số D đường T, Tổ A, phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Công ty L3 do ông Hoàng Thế S là giám đốc đại diện.

Địa chỉ: Tòa nhà C Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Tuấn D – Phó giám đốc Công ty L3.

Ông H, bà L, ông D có mặt.

**2. Bị đơn: Văn phòng L4.**

Địa chỉ trụ sở: P413 tòa nhà B Làng Q, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: P605 Chung cư A, đường H, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Luật sư Lê Văn T - Trưởng văn phòng (Có đơn xin xét xử mặt).

**- Người kháng cáo: ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H cùng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của đồng nguyên đơn cùng thống nhất trình bày:*

Gia đình bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H có thửa đất diện tích 533,32 m<sup>2</sup> địa chỉ tại đường T, quận H, TP Hà Nội. Tài sản gắn liền với đất có 01 (Một) căn nhà 04 (Bốn) tầng diện tích 120m<sup>2</sup> mặt sàn và sân vườn tổng diện tích là 202m<sup>2</sup>.

Năm 2007, công ty TNHH M2 có nhu cầu lấy 268,6m<sup>2</sup> đất của bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H để làm dự án, giá bồi thường là 19 triệu đồng (Mười chín triệu đồng) 1m<sup>2</sup> sau đó công ty M3 muốn lấy hết 533m<sup>2</sup> đất của bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H nên đã cử 02 (Hai) cán bộ đến bàn bạc với giá bồi thường là 30 triệu (Ba mươi triệu đồng) đồng/m<sup>2</sup>. Công ty M3 đã thanh toán trước cho gia đình bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H số tiền 7,8 tỷ đồng. Số tiền còn lại sẽ thanh toán sau nhưng mãi vẫn không thấy phía Metro thanh toán nốt số tiền cho gia đình bà. Năm 2008 bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H đã nhờ luật sư Vũ Đức L1 lấy hồ tiền đền bù từ công ty M3 với thù lao là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Khi nhận tiền ông L1 không làm hợp đồng dịch vụ pháp lý, không viết phiếu thu hay biên nhận nào cả lúc đó có sự chứng kiến của ông Nguyễn Thế P, bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T1. Sau khi nhận một phần tiền đền bù gia đình bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H chuyển đến nơi khác sinh sống, bà đã cho bà Phạm Thị M đến ở nhờ tiện trông coi nhà cửa. Khi đến ở nhờ nhà bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H thì bà M đã sửa chữa và mua sắm thêm đồ đạc hết 240 triệu đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Năm 2010, ông L1 tự ý đến nhà bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H ở và yêu cầu bà M ra khỏi nhà bà L. Ông L1 sử dụng 03 (Ba) tầng trên để ở còn tầng 01 (Một) ông L1 cho thuê với giá 60 triệu (Sáu mươi triệu đồng) đồng/ tháng. Số tiền đó đáng lẽ ra bà Cao Thị L và gia đình mới là người được hưởng. Sau đó ông L1 đã yêu cầu ông Vũ Xuân H ký tên vào các tờ giấy trắng và nói là để tiện làm đơn từ đòi tiền đền bù nhưng thực chất ông L1 đã tự soạn giấy chuyển nhượng nhà đất với nội dung ông Vũ Xuân H đã chuyển nhượng căn nhà trên cho L1 với giá 6,8 tỷ đồng trên nền giấy trắng mà ông L1 đã xin chữ ký của ông H trước đó. Ông L1 đã chiếm đoạt trái phép căn nhà 04 (Bốn) tầng, vườn và diện tích đất cùng số tiền 240 triệu đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) của gia đình bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H.

Đề đòi lại số tiền và nhà đất mà ông L1 đã chiếm đoạt trái pháp luật của gia đình bà Cao Thị L. Ngày 24/01/2019 vợ chồng bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H đã đến Văn phòng Luật sư Toàn cầu để ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDY kèm theo phụ lục với Luật sư Vũ Văn T2 – Trưởng văn phòng với nội dung hợp đồng, bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H đề nghị Luật sư T2 đại diện cho ông bà để làm việc với ông Vũ Đức L1 và các cơ quan có thẩm quyền để đòi lại căn nhà, quyền sử dụng đất cùng với số tiền 240 triệu đồng đã bị ông L1 chiếm đoạt. Luật sư T2 yêu cầu bà L thanh toán trước bằng tiền mặt số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền phí dịch vụ. Ngày 29/01/2019, bà L và ông H đã nộp đủ cho ông T2 số tiền trên như đã cam kết vì tin tưởng Luật sư T2 sẽ giúp bà L và ông H đòi lại được tài sản của mình. Tuy nhiên cho đến thời điểm ngày 20/9/2022 gần 04 năm trôi qua luật sư T2 không những không thực hiện được cho bà L và ông H công việc gì mà ngày 20/7/2022 luật sư T2 còn tư vấn hướng dẫn bà L và ông H và người nhà mang đồ đạc vào nhà mình (Lúc này đang bị ông L1 chiếm giữ) để lấy lại nhà nhưng khi cơ quan Công an đến làm việc ông T2 lại nói bà L và ông H làm vậy là không đúng.

Luật sư T2 không những không giúp được gia đình bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H đòi lại tài sản mà còn hướng dẫn bà L và ông H làm việc không đúng. Sau đó lại chối bỏ trách nhiệm nên bà L và ông H đã đề nghị được thanh lý hợp đồng và đề nghị luật sư T2 hoàn trả lại tiền dịch vụ pháp lý cho ông bà. Luật sư T2 đã liên tục trốn tránh không gặp bà L và ông H, bà L đã gọi ông T2 không nghe máy mà chỉ nhắn cho bà L và ông H những lời lẽ với nội dung bà L và ông H làm sai thì tự chịu.

Sau nhiều lần liên lạc và tìm gặp không được bà L đã làm đơn nộp lên Đoàn Luật sư Thành phố H đề nghị giúp đỡ luật sư T2 mới chịu gọi cho bà L đến thanh lý hợp đồng nhưng không trả cho bà L và ông H số tiền dịch vụ đã thu. Bà L và ông H có xin hỗ trợ lại một phần để tháo gỡ khó khăn vì số tiền này bà L và ông H phải đi vay mượn mới có nhưng ông T2 vẫn nhất quyết không trả.

Ngày 15/12/2022 và ngày 15/01/2022 bà L và ông H đã đến Đoàn luật sư Thành phố H để hòa giải với Luật sư T2 là Trưởng văn phòng. Tại buổi hòa giải bà L và ông H đồng ý thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý với luật sư T2 và rút lại đơn khiếu nại khi Luật Sư T2 hoàn trả số tiền dịch vụ pháp lý đã thu sau khi trừ đi các khoản chi phí. Ông T2 không những không trả lại tiền cho bà L và ông H mà còn có lời lẽ thách thức bà L và ông H: “Muốn kiện đi đâu thì kiện”.

Từ những nội dung nêu trên, đồng nguyên đơn yêu cầu TAND quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội: Tuyên Văn phòng luật sư Toàn C phải hoàn trả số tiền dịch vụ pháp lý đã nhận của bà L và ông H là số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu đòi bị đơn trả lại khoản phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/1/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng) số tiền là 150.000.000 đồng trong tổng số tiền 300.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải

hoàn trả. Như vậy, ông H, bà L chỉ còn yêu cầu bị đơn hoàn trả 150.000.000 đồng phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/1/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01.

**\* Tại Bản tự khai bị đơn Văn phòng Luật sư Toàn C, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Lê Văn T trình bày:**

Ngày 24/01/2019 vợ chồng ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L đến Văn phòng luật sư Toàn C trình bày bằng văn bản việc tranh chấp đất đai và cam kết nghĩa vụ cung cấp thông tin với Văn phòng luật sư như sau:

Hiện gia đình có hơn 500m<sup>2</sup> đất ở tại địa chỉ Phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội. Vì có dự án xây dựng, Công ty M3 muốn nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên của vợ chồng ông Vũ Xuân H. Tuy nhiên gia đình ông Vũ Xuân H thấy giá đền bù là chưa phù hợp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên đã nhờ Luật sư Vũ Đức L1 thuộc đoàn luật sư Thành phố H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông Vũ Xuân H. Vợ chồng ông Vũ Xuân H đã thỏa thuận nếu ông Vũ Đức L1 đòi được một phần quyền sử dụng đất nêu trên thì sẽ thưởng cho ông Vũ Đức L1 40% giá trị tài sản đòi được. Trong quá trình làm việc ông Vũ Đức L1 có đưa cho ông Vũ Xuân H ký khống cho ông L1 một giấy bán nhà, nội dung là ông H bán cho ông L1 hơn 200m đất và ngôi nhà 04 tầng với giá là 6 tỷ đồng (Sáu tỷ đồng) để ông L1 có tư cách đòi nhà. Sau đó ông L1 không trả lại tài sản là nhà và chiếm hữu sử dụng gần 8 năm.

Sau khi nghe vợ chồng ông Vũ Xuân H trình bày và cam kết rằng nội dung trình bày là đúng sự thật, Văn phòng L4 đã lập Biên bản làm việc ngày 24/01/2019 vợ chồng ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L cùng ký xác nhận nội dung sự việc như đã trình bày là đúng sự thật, nếu cung cấp thông tin sai thì không được hoàn lại tiền theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý và Phụ lục. Sau đó Văn phòng L4 đã ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV với nội dung: Đòi lại bất động sản (Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở) tại địa chỉ: Phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội cho Bên B là vợ chồng ông Vũ Xuân H. Bất động sản nêu trên hiện đang bị bên thứ ba chiếm giữ bất hợp pháp. Thời gian thực hiện hợp đồng là theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng Văn phòng L4 đã cử luật sư Lê Văn T đến Công an quận H, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai làm việc về nội dung tố cáo của ông Vũ Xuân Hải đối với ông Vũ Đức L1 về hành vi xâm phạm chỗ ở và chiếm giữ tài sản trái pháp luật. Công an quận H đã kết luận không có dấu hiệu hình sự và hướng dẫn đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai để giải quyết.

Sau đó Văn phòng luật sư Toàn C đã soạn thảo văn bản để tiến hành thủ tục hòa giải tại cơ sở (Hòa giải tại UBND phường Y) chuẩn bị hồ sơ khởi kiện, soạn thảo đơn khởi kiện và hướng dẫn vợ chồng ông Vũ Xuân H nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai. Sau khi nhận đơn khởi kiện và các hồ sơ tài liệu, TAND quận Hoàng Mai đã ban hành Thông báo Thụ lý vụ án số 60/2019/TB-TL ngày 02/12/2019. Sau khi có Thông báo Thụ lý của TAND quận Hoàng Mai, vợ chồng ông H, bà L đã đến Văn phòng C1 để ủy quyền cho luật

sư Lê Văn T tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Sau khi triệu tập các đương sự lên lấy lời khai, Tòa án đã xác định những người có quyền và nghĩa vụ liên quan để xác minh, lấy lời khai của các đương sự nhằm giải quyết vụ án đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện của M1 đã được mời đến tòa án và họ đã xuất trình các văn bản, tài liệu có liên quan đến vụ án. Trong hồ sơ tài liệu mà M1 cung cấp thì Ủy ban nhân dân Thành phố H đã có Quyết định số 8162/QĐ-UB ngày 15/12/2005 thu hồi đất của nhiều hộ gia đình trong đó có gia đình ông H, bà L. Trong quá trình đền bù để thu hồi đất, đại diện M1 đã cùng với gia đình ông Vũ Xuân H thỏa thuận nhận tiền đền bù và bàn giao toàn bộ quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất (Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản trên đất) cho M1. Việc thỏa thuận này là tự nguyện và có sự chứng kiến của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, ký tên, đóng dấu theo thể thức văn bản được lập ngày 02/7/2007. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền lớn từ M4, gia đình ông H, bà L không thực hiện việc giao tài sản và quyền sử dụng đất cho M1. Trước sự bất tín của gia đình ông H, bà L, M1 đã có đơn tố cáo gửi đến các cơ quan chức năng để giải quyết và hiện nay các cơ quan vẫn còn lưu giữ hồ sơ, tài liệu có liên quan. Như vậy, toàn bộ quyền sử dụng đất thửa số 8 tờ bản đồ số 13 có diện tích 268,6 m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền với đất đã không còn là tài sản của gia đình ông Vũ Xuân H và bà L.

Công ty M5 (M4) đã có nhiều văn bản có nội dung tố cáo hành ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L gửi tới cơ quan Công an Quận H. Cơ quan Công an cũng đã nhiều lần triệu tập ông H đến cơ quan công an để làm việc về nội dung này.

Các thông tin mà ông Vũ Xuân H cùng vợ là bà L cung cấp cho Văn phòng L4 là không đúng sự thật, vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng số 02/2019/HĐDV và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ về cung cấp thông tin. Tất cả các văn bản, tài liệu mà ông H, bà L ký là do ông H, bà L tự lập, ký, điểm chỉ một cách tự nguyện, tự do ý chí. Trong khi Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đang thụ lý giải quyết thì ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L đơn phương gửi yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền với Luật sư Lê Văn T mà không có lý do có căn cứ pháp luật. Trong đơn gửi Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai và Đoàn Luật sư thành phố H, ông H, bà L chỉ yêu cầu thanh lý Hợp đồng dịch vụ pháp lý và chấm dứt ủy quyền chứ không có tranh chấp về tiền thù lao cho Văn phòng luật sư (Ông H bà L có viết nội dung “Kể cả không trả lại tiền nhưng phải chấm dứt hợp đồng dịch vụ và việc ủy quyền”). Hiện nay Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai vẫn đang thụ lý giải quyết.

Tuy nhiên ngày 15/10/2022 ông Vũ Xuân H đã gửi đơn tới Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư thành phố H, nhờ Đoàn luật sư Thành phố H giúp đỡ để thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ số 02/2019/HĐDV ngày 24/01/2019 với mục đích chấm dứt ủy quyền với Văn phòng L4 để thuê luật sư khác và đơn phương chấm dứt hợp đồng. Sau đó ngày 17/10/2019 Văn phòng luật sư Toàn C và ông Vũ Xuân H đã thanh lý hợp đồng và rút đơn đề nghị tại Đoàn luật sư Thành phố H.

Như vậy, ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L khởi kiện đòi Văn phòng L4 trả lại phí thù lao luật sư là không đúng bởi các lý do sau:

**Thứ nhất:** Văn phòng luật sư đã cử luật sư nhận hồ sơ, nghiên cứu hồ sơ, soạn thảo các văn bản cần thiết để gửi đến các cơ quan chức năng theo đúng pháp luật. Khi các cơ quan tiến hành tố tụng không khởi tố vụ án và kết luận không có dấu hiệu hình sự (Do người bị tố cáo không có mặt tại địa phương, không cung cấp văn bản gốc để giám định chữ ký) thì Văn phòng luật sư đã soạn thảo, chuẩn bị hồ sơ khởi kiện và đã khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Văn phòng luật sư đã cử luật sư Lê Văn T nhận ủy quyền để đại diện đồng nguyên đơn nguyên đơn là ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L để tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

**Thứ hai:** Trong thời gian gần 04 (Bốn) năm kể từ khi ký Hợp đồng với ông H, bà L, Văn phòng luật sư vẫn phải thanh toán các chi phí thuê văn phòng, lương trả cho nhân viên, xăng xe, điện thoại, phương tiện và mất các chi phí cơ hội, chi phí dịch vụ hợp pháp khác. Tất cả các chi phí hợp lý, hợp pháp này đều sử dụng từ phí thù lao luật sư thông qua hợp đồng dịch vụ pháp lý chứ không phải tiền từ ngân sách nhà nước, tiền được các cá nhân, tổ chức làm từ thiện cung cấp.

Thời gian vụ án kéo dài là do phía bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án theo Giấy mời hay Giấy triệu tập của cơ quan Tòa án chứ không phải do lỗi của Luật sư hoặc Văn phòng L4. Cho đến thời điểm này, TAND quận Hoàng Mai vẫn chưa có Bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật đối với vụ án nên ông H và Bà L không có căn cứ để kết luận rằng “Văn phòng luật sư Toàn C không giúp được việc đòi nhà...”. Việc ông Vũ Xuân h và Bà Cao thị L2 vẫn tiếp tục ủy quyền cho Luật sư khác tham gia tố tụng, kế thừa toàn bộ kết quả làm việc trước đó (Thực hiện các công việc, soạn thảo, chuẩn bị hồ sơ, thủ tục tiền tố tụng, khởi kiện, nộp án phí) của Văn phòng L4 nên ông H, bà L2 không thể phủ nhận từ chối thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng và các thỏa thuận đã ký.

Trong Hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý cũng như các cuộc nói chuyện, trao đổi công việc Luật sư Lê Văn T và Văn Phòng L4 không hứa hẹn, cam kết về thời gian giải quyết vụ án, không hứa hay cam kết về kết quả vì điều đó trái với quy định của pháp luật cũng như Quy tắc ứng xử nghề nghiệp luật sư.

**Thứ ba:** Ông H và bà L2 cho rằng Văn phòng L4 không giúp gì cho ông bà và đơn phương chấm dứt hợp đồng là không đúng. Vì sau khi ký hợp đồng Văn phòng đã cử luật sư Lê Văn T đến cơ quan Công an quận H (Cơ quan Công an đã triệu tập các bên tới trụ sở để làm việc, lấy lời khai và Luật sư Lê Văn T đã có mặt cùng ông H, bà L2 tại cơ quan Công an quận H). Tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Luật sư Lê Văn T có mặt đầy đủ và ký các văn bản tố tụng có liên quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hiện nay vụ án vẫn đang được Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý giải quyết.

**Thứ tư:** Do ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L cung cấp thông tin không chính xác dẫn đến vụ án kéo dài vì các cơ quan tố tụng phải xác minh nhiều lần. Thực tế ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L đã nhận đủ tiền đền bù theo thỏa thuận có sự

chứng kiến, xác nhận của các bên và chính quyền địa phương. Ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L không còn quyền tài sản, tài sản do toàn bộ thửa đất, tài sản gắn liền với đất bị nhà nước thu hồi đất, đã tự nguyện, thỏa thuận mức tiền đền bù theo quy định nên tài sản đó thuộc về Metro H. Việc ông Vũ Xuân H ký giấy chuyển nhượng cho Vũ Đức L1 là không đúng quy định của pháp luật. Nếu ông Vũ Đức L1 chiếm giữ tài sản trái phép thì người bị hại là Công ty M5 (M4) chứ không phải là ông H, bà L. Trong Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 24/01/2019 cũng đã nêu rõ “Nếu những gì bên B trình bày trong Biên bản làm việc đã ký ngày 24/01/2019 là không đúng sự thật thì bên A sẽ không trả lại cho bên B số tiền đã thanh toán ban đầu”.

**Thứ năm:** Hai bên đã thanh lý hợp đồng ngày 17/10/2022 và kể từ ngày ký thanh lý hợp đồng hai bên chấm dứt quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng số 02/2019/HDDV ngày 24/01/2019 và Phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng. Hợp đồng này do ông Vũ Xuân H và Bà L soạn thảo cả về hình thức và nội dung chứ không phải do Văn phòng L5 hay Luật sư Lê Văn T soạn thảo, xác lập. Bản thanh lý hợp đồng này được lập, gửi theo đường thư tín và tồn tại trong thời gian rất dài (Ông H, Bà L còn làm đơn gửi tới Đoàn luật sư Hà Nội xin hỗ trợ, giúp đỡ việc thanh lý hợp đồng) nên không thể nói ông H, bà L không có hiểu biết pháp luật, bị đe dọa hay bắt kỳ hành vi trái pháp luật nào khác tác động.

**Thứ sáu:** Trong tất cả cơ tài liệu, đơn gửi đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Đoàn luật sư thành phố H và trong đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L không tìm ra được lỗi, hành vi vi phạm pháp luật của Luật sư Lê Văn T và Văn phòng L4 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Theo quy định của pháp luật thì Nguyên đơn phải chứng minh hành vi có lỗi, vi phạm các điều khoản có trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng, có liên quan trực tiếp, có mối quan hệ nhân quả thì mới có thể yêu cầu trả lại phí thù lao.

**Thứ bảy:** Hiện nay, ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L vẫn tiếp tục sử dụng đơn, tài liệu mà Luật sư Lê Văn T chuẩn bị, nộp đơn khởi kiện đã được thụ lý giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai và không rút đơn khởi kiện. Như vậy, việc tiếp tục khởi kiện chính là sử dụng thành quả, sức lao động của Luật sư Lê Văn T và Văn phòng L4 nên phải trả phí thù lao theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý.

**Thứ tám:** Trong vụ việc này, Văn phòng L4 không có yêu cầu phản tố mặc dù giữa Nguyên đơn và Bị đơn có thỏa thuận bằng lời nói về việc hứa thưởng sau khi đòi lại được tài sản (Ban đầu hứa thưởng cho Luật sư 50% giá trị thửa đất sau đó nâng lên 60% giá trị thửa đất). Tuy nhiên, do không có văn bản và hứa thưởng chỉ là hợp đồng đơn vụ nên không có căn cứ để yêu cầu và thực tế thì Nguyên đơn không còn tài sản, quyền tài sản do đã bị UBND thành phố H thu hồi theo Quyết định số 8162/QĐ-UB ngày 15/12/2005 và Văn bản thỏa thuận ngày 02/7/2007 giữa gia đình ông Vũ Xuân H và Công ty M5 (M4). Vì hứa thưởng nên Văn phòng L4 đã nỗ lực để thực hiện dịch vụ theo hợp đồng với sự tham gia của nhiều luật sư trong suốt nhiều năm liên tục.

**Thứ chín:** Toàn bộ nội dung liên quan đến việc ông Vũ Xuân H và Bà Cao Thị L bị thu hồi đất, thỏa thuận nhận tiền đền bù từ Công ty M5 (M4) Văn phòng L4 chỉ được biết sau khi Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý, giải quyết vụ án. Việc Tòa án xác minh, đưa người tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan mới làm sáng tỏ sự thật về việc Hộ gia đình ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L đã không còn tài sản cũng như việc chuyển nhượng là trái pháp luật. Hiện nay việc chuyển nhượng giữa ông Vũ Xuân h và ông Vũ Đức L1 có dấu hiệu hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản chứ không phải là vụ án dân sự.

Từ những nội dung trình bày trong đơn này, Văn phòng L4 đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L, công nhận nội dung văn bản Thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 17/10/2022 do ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L lập và gửi tới Văn phòng luật sư Toàn C.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã quyết định:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 518, Điều 519 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật luật sư 2006;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H với bị đơn Văn phòng L4 số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đình chỉ xem xét với phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu bị đơn Công ty L6 hoàn trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H về việc buộc bị đơn Văn phòng L4, trưởng văn phòng là ông Lê Văn T làm đại diện phải hoàn trả lại số tiền dịch vụ pháp lý đã nhận của ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L là số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Văn phòng Luật sư Toàn C không phía trả lại số tiền dịch vụ pháp lý đã nhận từ đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H.

2. Về án phí: Đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H liên đới phải chịu toàn bộ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L đã nộp là 15.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số

AA/2020/0019268 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Hà Nội và được hoàn trả lại số tiền là 7.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự số 17/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy và tuyên buộc Văn phòng luật sư Toàn C trả cho ông H, bà L 150.000.000 đồng

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu buộc Văn phòng L4 trả cho ông H, bà L 150.000.000 đồng. Bị đơn Văn phòng luật sư Toàn C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy về án phí: Ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm; bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

\*Về thủ tục: Nguyên đơn ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

\*Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy và tuyên buộc Văn phòng luật sư Toàn C phải hoàn trả cho vợ chồng ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/1/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ pháp lý. Bị đơn Văn phòng L4 có trụ sở tại P413 tòa nhà B Làng Q, phường D, quận C, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu đòi bị đơn trả lại khoản phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/1/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng) số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) trong tổng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả. Như vậy, ông H, bà L chỉ còn yêu cầu bị đơn hoàn trả 150.000.000 đồng phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/1/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của đồng nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**[2]. Về nội dung:** Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H đối với bị đơn Văn phòng luật sư Toàn cầu về việc yêu cầu hoàn trả phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/1/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng) khoản tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Thứ nhất, Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/1/2019 và phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng được ký kết giữa các chủ thể có đầy đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự tự nguyện ký kết; Hợp đồng được lập thành văn bản; Nội dung Hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại điều 117 BLDS 2015.

Thứ hai, xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: các tình tiết được hai bên thừa nhận, thống nhất không phải chứng minh bao gồm: Thực hiện Hợp đồng đồng nguyên đơn đã làm văn bản ủy quyền cho bị đơn (Đại diện là ông Lê Văn T – Luật sư) đã tiến hành khởi kiện vụ án đòi tài sản là bất động sản Thửa đất số 08, tờ bản đồ địa chính số 13 năm 1995 tại phường Y, quận H, Hà Nội ở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai. Tòa án quận Hoàng Mai đã thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 60/2019/TB-TL ngày 02/12/2019. Tuy nhiên, ngày 01 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 10/2024/QĐST-DS do nguyên đơn ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L rút yêu cầu khởi kiện.

Tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/01/2019, Điều 3.1 quy định: *“Phí dịch vụ và thù lao Luật sư do các bên thỏa thuận trong Phụ lục. Phí dịch vụ bao gồm toàn bộ chi phí đi lại, di chuyển, lưu trú và toàn bộ chi phí khác nên số phí dịch vụ nêu trên không được hoàn lại”*.

Phụ lục của Hợp đồng số 01 thỏa thuận phí dịch vụ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), tại Phụ lục cũng quy định: Nếu không đòi lại được cho bên B (Tức đồng nguyên đơn) một phần hoặc toàn bộ tài sản thì bên A (Tức Văn phòng luật sư Toàn C) sẽ hoàn trả cho bên B số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu). Nếu những gì bên B trình bày trong Biên bản làm việc ngày 24/01/2019 là không đúng sự thật thì bên A sẽ không hoàn trả lại số tiền mà bên B đã thanh toán ban đầu.

Thực hiện hợp đồng, ông H, bà L đã chuyển cho Văn phòng L4 đủ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo phiếu thu.

Tuy nhiên, các bên đã thanh lý Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng nêu trên bằng văn bản Thanh lý Hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý ngày 17/10/2022. Tại văn bản này xác nhận hai bên cùng thống nhất chấp dứt Hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/01/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01. Kể từ 17/10/2022, hai bên chấm dứt quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên. Bên B đã thanh toán đầy đủ nghĩa vụ cho bên A theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên. Và kể từ thời điểm ngày 17/10/2022 thì bị đơn sẽ không đại diện cho đồng nguyên đơn trong vụ án tranh chấp tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nữa.

Như vậy, Hợp đồng dịch vụ pháp lý và Phụ lục Hợp đồng chấm dứt kể từ khi bị thanh lý từ ngày 17/10/2022 theo khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong Văn bản thanh lý Hợp đồng không có bất kỳ điều khoản nào quy định nghĩa vụ bị đơn phải hoàn trả cho đồng nguyên đơn phí dịch vụ Hợp đồng 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Văn bản này là kí kết sau Văn bản Phụ lục Hợp đồng số 01 kèm theo Hợp đồng ngày 24 tháng 01 năm 2019 nên cũng là Văn bản chấm dứt Phụ lục Hợp đồng nên điều khoản về thảo thuận hoàn trả lại phí dịch vụ tại Phụ lục số 01 không còn hiệu lực thi hành ràng buộc giữa các bên.

Điều 3.1 hợp đồng dịch vụ pháp lý cũng quy định rõ phí dịch vụ không hoàn lại. Bên cạnh đó, điều khoản hoàn trả lại phí được đặt ra khi và chỉ khi Văn phòng luật sư không đòi được một phần hoặc toàn bộ tài sản cho đồng nguyên đơn trọng vụ kiện tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai. Tuy nhiên, khi vụ án đang trong quá trình tiến hành tố tụng thì đồng nguyên đơn lại yêu cầu thanh lý Hợp đồng. Hơn nữa, ngày 01 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 10/2024/QĐST-DS do nguyên đơn ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L rút yêu cầu khởi kiện.

Việc thanh lý hợp đồng và rút yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn tại Tòa án quận H là hoàn toàn do ý chí tự nguyện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm xác định không có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H về việc yêu cầu bị đơn Văn phòng L4 phải hoàn trả lại số tiền dịch vụ pháp lý đã nhận của ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L là số tiền 150.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn là Văn phòng Luật sư Toàn C phải hoàn trả lại ông H, bà L số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/01/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 23/6/2022 ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội là đúng pháp luật nhưng cần sửa về cách tuyên án và án phí.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

**[3]. Về án phí:** Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Xuân H xuất trình căn cước công dân chứng minh ông H sinh ngày 01/01/1964 và có đơn xin miễn án phí do vậy ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.750.000 đồng.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 244, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 117, khoản 2 Điều 422, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518, Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của ông ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DSST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L về yêu cầu bị đơn Văn phòng luật sư Toàn C thanh toán 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền phí dịch vụ pháp lý theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/01/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H về yêu cầu buộc bị đơn Văn phòng L4 phải hoàn trả lại cho ông Vũ Xuân H và bà Cao Thị L số tiền phí dịch vụ pháp lý là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 02/2019/HDDV ngày 24/01/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ.

3. **Về án phí:** Bà Cao Thị L phải chịu 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L đã nộp là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0019268 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Hà Nội và được hoàn trả lại số tiền là 11.250.000 đồng (mười một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Vũ Xuân H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cao Thị L và ông Vũ Xuân H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Vũ Xuân H, bà Cao Thị L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0019625 ngày 01/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Hà Nội

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Tuấn Anh**